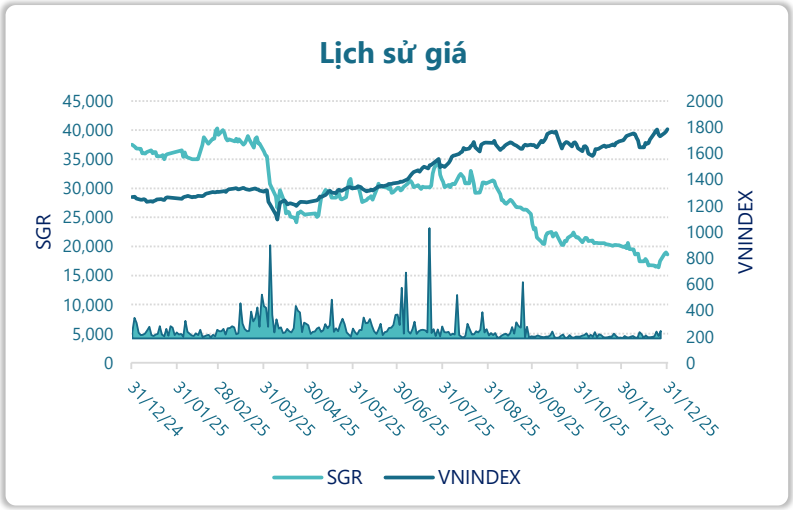
FireAnt

Tổng CTCP Địa ốc Sài Gòn (HSX: SGR)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,400
SL cổ phiếu LH	69,874,989
KLGD BQ 20 phiên (CP)	246,220
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,300
P/E	13.8
EPS	1,351

DT thuần

Q4/25

36.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.8| 84.9%

YoY: ▲ 3.00| 9.0%

LN sau thuế

Q4/25

12.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.00| -19.2%

YoY: ▼52.4| -80.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

65.7%

+/- YoY: ▼ 9.8%

DT thuần

2025

219

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 68.0| 44.3%

LN sau thuế

2025

95.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.8| 59.5%

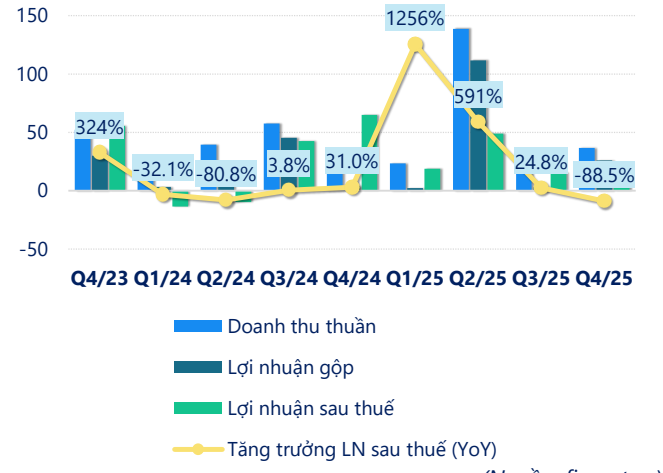
ROE

2025

7.8%

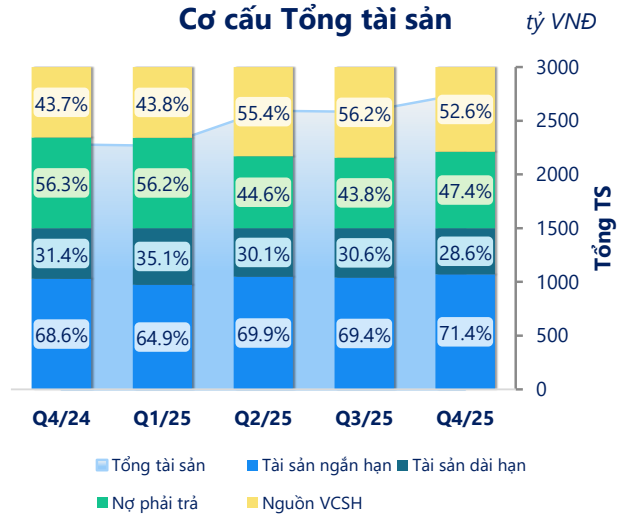
+/- YoY: ▲ 1.5%

Kết quả kinh doanh



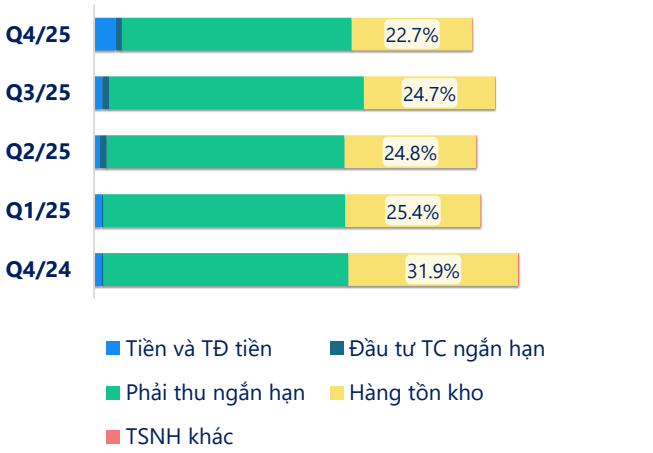
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



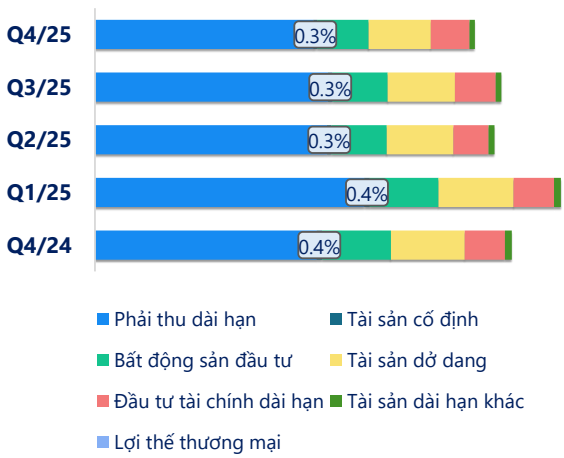
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



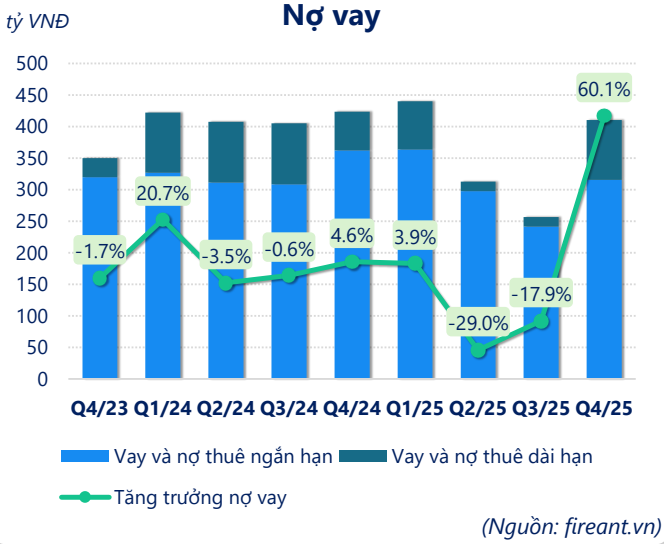
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



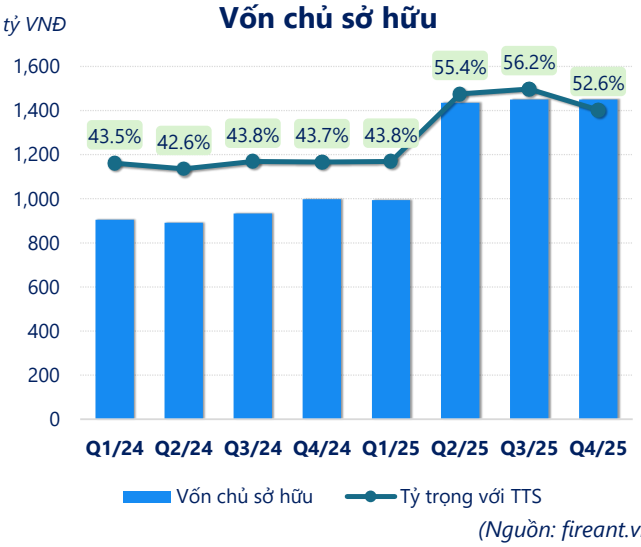
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



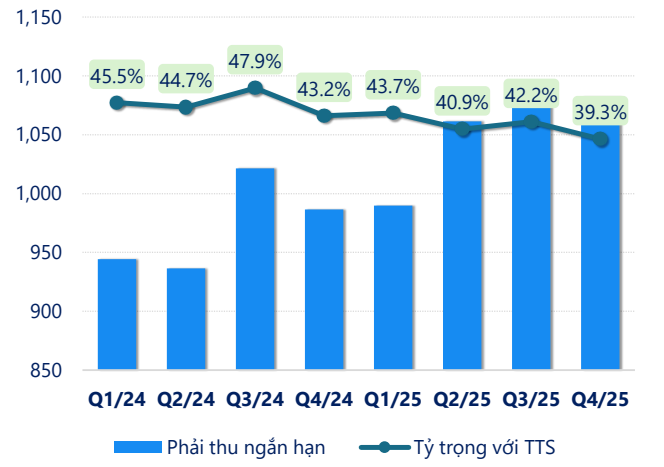
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



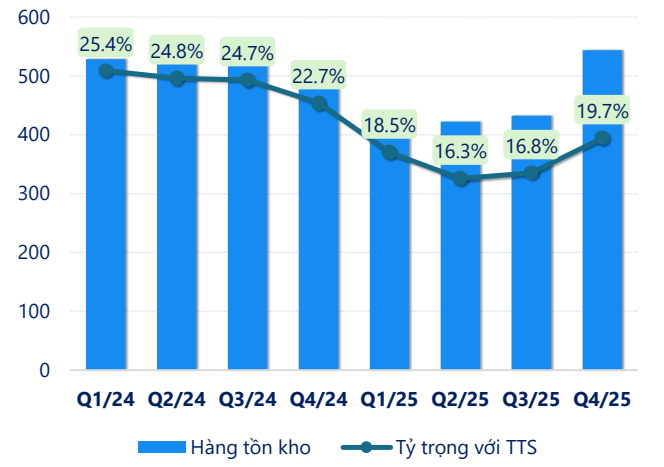
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



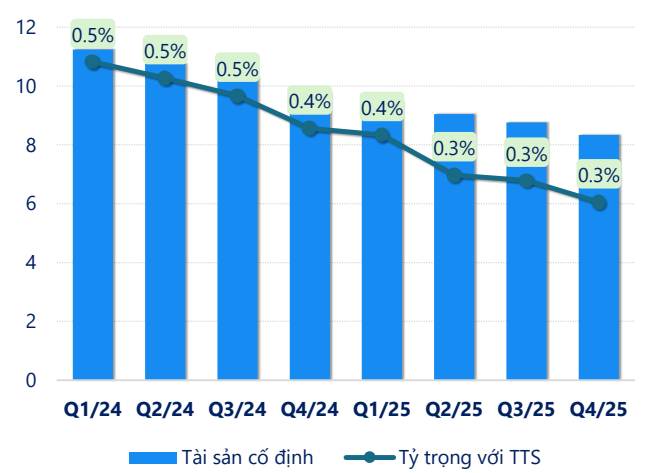
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



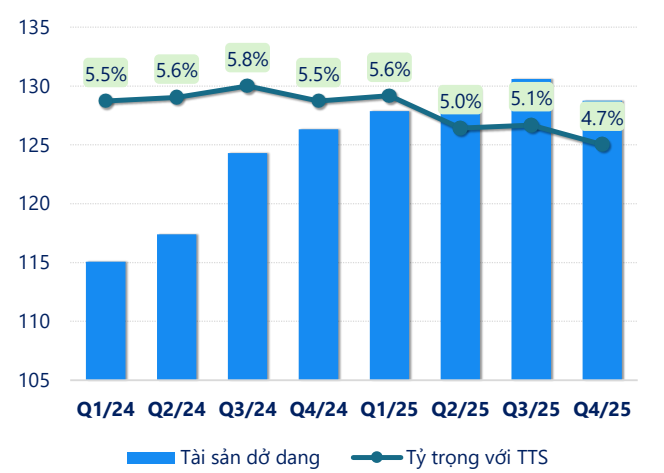
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



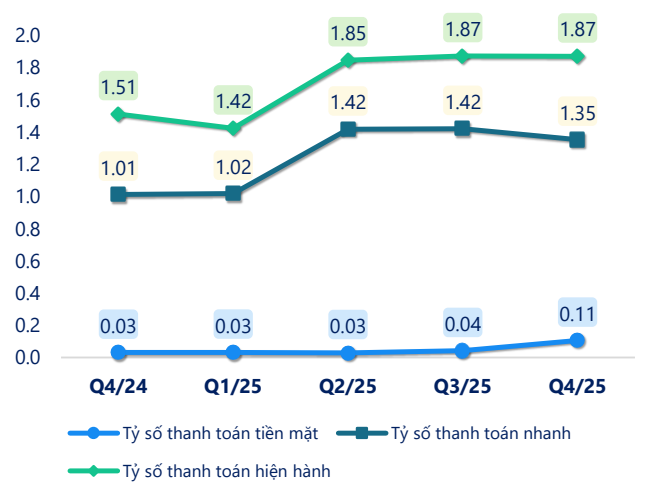
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,282**	**2,267**	**2,593**	**2,582**	**2,756**
Tài sản ngắn hạn	**1,566**	**1,472**	**1,813**	**1,792**	**1,968**
Tiền và tương đương tiền	31.6	32.5	28.1	39.8	111
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.1	27.1	299	227	228
Phải thu ngắn hạn	986	990	1,061	1,090	1,082
Hàng tồn kho	518	419	422	433	544
Tài sản ngắn hạn khác	3.12	3.45	2.53	3.34	2.94
Tài sản dài hạn	**715**	**795**	**780**	**790**	**788**
Phải thu dài hạn	380	459	452	453	453
Tài sản cố định	9.77	9.45	9.04	8.76	8.34
Bất động sản đầu tư	118	117	108	107	107
Tài sản dở dang	126	128	130	131	129
Đầu tư tài chính dài hạn	69.1	69.0	68.9	78.8	79.9
Tài sản dài hạn khác	11.9	11.7	11.6	11.5	11.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,283**	**1,273**	**1,158**	**1,132**	**1,305**
Nợ ngắn hạn	**1,035**	**1,034**	**982**	**957**	**1,052**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	362	364	298	241	315
Phải trả người bán ngắn hạn	7.64	6.48	5.51	6.36	18.1
Nợ dài hạn	248	239	176	175	253
Vay và nợ thuê dài hạn	61.6	76.6	15.0	15.0	95.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**998**	**994**	**1,435**	**1,450**	**1,450**
Vốn chủ sở hữu	**998**	**994**	**1,435**	**1,450**	**1,450**
Vốn điều lệ	600	600	699	699	699
Kinh phí và quỹ khác	0.18	0.18	0.18	0.18	0.18

(Nguồn: fireant.vn)